

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NGHĨA LỘ
TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **09** /HNGĐ-ST

Ngày: 19- 5 -2023

“V/v Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGHĨA LỘ, TỈNH YÊN BÁI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Phú

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Thanh An

2. Ông Vũ Thanh Bình

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bắc - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Nghĩa Lộ, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Nghĩa Lộ, tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Nguyên Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Nghĩa Lộ, tỉnh Yên Bái; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 45/2023/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2023 về việc Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông **Nguyễn Xuân T**, sinh năm 1953

Địa chỉ: Tổ A, phường T, thị xã N, tỉnh Yên Bái.

“Vắng mặt có lý do”

2. *Bị đơn:* Bà **Nguyễn Thị X**, sinh năm 1959

Địa chỉ: Tổ B, phường T, thị xã N, tỉnh Yên Bái.

“Vắng mặt có lý do”

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai nguyên đơn ông Nguyễn Xuân T trình bày: Ông và bà Nguyễn Thị X kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào năm 1978 tại Ủy ban Hành chính thị xã Nghĩa Lộ, tỉnh Hoàng Liên Sơn (nay là tỉnh Yên Bái). Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bà X cờ bạc, lơ đãng lâu dần đến nợ nần nhiều; còn ông T có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác nên bất đồng quan điểm sống, hai ông bà đã sống ly thân từ tháng 02/2018, bà X thường xuyên vắng nhà. Nay ông T xác định không còn tình cảm đối với bà Xuân nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn.

Về con chung: Ông và bà X có 03 con chung là Nguyễn Thị Bích N, sinh năm 1978, Nguyễn Thị Hải Y, sinh năm 1981 và Nguyễn Hà M, sinh năm 1994, các con đều đã trưởng thành nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình ông T đã cung cấp tài liệu, chứng cứ gồm: Bản sao CCCD của Nguyễn Xuân T, Nguyễn Thị Bích N, Nguyễn Thị Hải Y, Nguyễn Hà M; bản sao giấy CMND của Nguyễn Thị X; Bản sao hộ khẩu gia đình ghi tên chủ hộ Nguyễn Thị X.

Tại bản tự khai bà Nguyễn Thị X trình bày: Bà kết hôn tự nguyện với ông T, có đăng ký kết hôn vào năm 1978 tại Ủy ban Hành chính thị xã Nghĩa Lộ, tỉnh Hoàng Liên Sơn (nay là tỉnh Yên Bái). Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do khi bà ốm đau (mồ) nhưng ông T không quan tâm chăm sóc bà, ngoài ra ông T còn có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác, bà phát hiện có khuyên bảo ông T nhưng ông T không sửa đổi được, bà và ông T đã ly thân từ năm 2018. Nay ông T xin ly hôn bà không đồng ý vì các con đều đã trưởng thành và đều có gia đình riêng, bà muốn giữ danh dự cho gia đình. Về con chung: Bà và ông T có 03 con chung là Nguyễn Thị Bích N, sinh năm 1978, Nguyễn Thị Hải Y, sinh năm 1981 và Nguyễn Hà M, sinh năm 1994, các con đều đã trưởng thành nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung chung: Bà X không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài liệu, chứng cứ do bà X cung cấp cho Tòa án gồm: Bản chính Giấy công nhận kết hôn giữa Nguyễn Xuân T và Nguyễn Thị X, số 35, quyển số 02 ngày 30/3/1978 do Ủy ban Hành chính thị xã Nghĩa Lộ, tỉnh Hoàng Liên Sơn (nay là tỉnh Yên Bái) cấp.

Quá trình hòa giải thể hiện: Về quan hệ hôn nhân: Ông T xin ly hôn, bà X xin đoàn tụ; về con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; về tài sản chung các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh thể hiện, ông T và bà X có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, chung sống tại tổ A phường T, thị xã N, tỉnh Yên Bái. Từ năm 2018 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bà X cò bạc nợ nần nhiều; ông T có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác dẫn đến hai bên luôn bất đồng quan điểm sống, họ đã sống ly thân từ năm 2018, hiện nay bà X đi làm giúp việc ở Hà Nội, thỉnh thoảng mới về nhà. Nay ông T xin ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

** Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:*

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

+ Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn khởi kiện của ông Nguyễn Xuân T. Xử cho ông Nguyễn Xuân T được ly hôn bà Nguyễn Thị X.

- + Về con chung: Ông T và bà X có 03 con chung là Nguyễn Thị Bích N, sinh năm 1978, Nguyễn Thị Hải Y, sinh năm 1981 và Nguyễn Hà M, sinh năm 1994 đều đã trưởng thành, các đương sự không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.
- + Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu, nên không đề cập giải quyết.
- + Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, phát biểu quan điểm của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:*

Ông Nguyễn Xuân T có đơn khởi kiện xin ly hôn đối với bà Nguyễn Thị X có hộ khẩu thường trú tại phường T, thị xã N, tỉnh Yên Bái. Căn cứ quy định tại Điều 28; Điều 35; Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Nghĩa Lộ.

[2] *Về thủ tục tố tụng:*

Tòa án đã tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2023 cho các đương sự; ông Nguyễn Xuân T, bà Nguyễn Thị X đều có đơn xin vắng mặt. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[3] *Về quan hệ hôn nhân:* Ông Nguyễn Xuân T và bà Nguyễn Thị X kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 30/3/1978 tại Ủy ban Hành chính thị xã Nghĩa Lộ, tỉnh Hoàng Liên Sơn (nay là tỉnh Yên Bái). Theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp.

Tuy nhiên, trong quá trình chung sống đến năm 2018 thì ông bà phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bà X cờ bạc nợ nần nhiều; ông T có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác dẫn đến hai bên luôn bất đồng quan điểm sống, ông bà đã sống ly thân từ năm 2018 không còn quan tâm đến nhau nữa, thể hiện hôn nhân của họ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Bà X mong muốn đoàn tụ với lý do, các con đều đã trưởng thành và đều có gia đình riêng, bà muốn giữ danh dự cho gia đình, nhưng bà không có biện pháp gì để cải thiện được quan hệ vợ chồng, hiện nay bà vẫn đi làm xa nhà, mỗi người ở một nơi. Do vậy yêu cầu xin ly hôn của ông T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] *Về con chung:* Ông T và bà X có 03 con chung là Nguyễn Thị Bích N, sinh năm 1978, Nguyễn Thị Hải Y, sinh năm 1981 và Nguyễn Hà M, sinh năm 1994 đều đã trưởng thành, ông bà không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[5] *Về tài sản chung:* Ông T và bà X không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Về án phí:* Ông T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[7] *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Những đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ vào Điều 28; Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228, Điều 238; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Xuân T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ông Nguyễn Xuân T được ly hôn bà Nguyễn Thị X.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Xuân T phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai số AA/2022/0000753 ngày 06/3/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Nghĩa Lộ; ông T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Ông Nguyễn Xuân T, bà Nguyễn Thị X có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND TX Nghĩa Lộ;
- CCTHADS TX Nghĩa Lộ;
- UBND P.Trung Tâm;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hoàng Thị Phú